

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 11-06-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Tuấn

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/06/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 48/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-DS ngày 27/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 90 đường H, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Số 10/222 ấp Ái N, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Số 72 đường Nguyễn Văn T, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt không lý do).

NHẬN THẤY:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T trình bày:

Bà T và bà Trương Thị N quen biết nhau nên bà N nhiều lần mượn tiền của bà T để làm ăn, cụ thể như sau:

- Ngày 05/2/2018, bà N mượn số tiền 100.000.000đ có làm hợp đồng mượn tiền làm ăn, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, bà N cam kết đến ngày 09/02/2018 trả lại tiền, đến nay bà N vẫn chưa trả tiền vốn và lãi.

- Ngày 30/3/2018, bà N mượn tiền nhiều lần và viết lại giấy nợ mượn số tiền 830.000.000đ có làm hợp đồng cho mượn tiền, thời hạn mượn 03 tháng đến ngày 30/6/2018, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, đến nay bà N vẫn chưa trả tiền vốn và tiền lãi.

- Ngày 03/4/2018, bà N mượn số tiền 100.000.000đ có làm hợp đồng cho mượn tiền, thời hạn mượn 03 tháng đến ngày 03/7/2018, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, đến nay bà N vẫn chưa trả tiền vốn và lãi.

- Ngày 20/5/2018, bà N thỏa thuận miệng mượn số tiền 70.000.000đ, bà T đưa tiền trực tiếp cho bà N, bà N cam kết trong tháng 07/2018 trả tiền cho bà T, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, đến nay bà N vẫn chưa trả tiền vốn và lãi.

Tổng cộng bà N mượn số tiền 1.100.000.000đ, mục đích các lần mượn tiền đều để làm ăn, nhiều lần bà T yêu cầu bà N trả tiền nhưng bà N vẫn chưa trả tiền.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà N trả cho bà T số tiền 1.100.000.000đ, trả một lần.

* Bị đơn bà Trương Thị N trình bày:

Tổng cộng vốn vay bà N có vay của bà T là 1.100.000.000đ, chưa trả vốn, có trả lãi từng lần vay đến ngày 21/5/2018, lần vay ngày 20/5/2018 chưa trả lãi và vốn.

Các lần vay bà N đều có ký nhận vào hợp đồng vay tiền:

- Lần 1: ngày 05/02/2018, vay nhiều lần và ký nhận vào hợp đồng mượn tiền làm ăn số tiền 100.000.000đ, bà N xác định chữ ký trong hợp đồng mượn tiền làm ăn là của bà, số tiền của kỳ vay này chưa trả vốn, chỉ trả lãi đến ngày 21/5/2018.

- Lần 2: ngày 30/3/2018, vay nhiều lần và ký nhận vào hợp đồng cho mượn tiền số tiền 830.000.000đ, bà N xác định chữ ký trong hợp đồng cho

mượn tiền là của bà, số tiền của kỳ vay này chưa trả vốn, chỉ trả lãi đến ngày 21/5/2018.

- Lần 3: ngày 03/04/2018, có vay 100.000.000đ và ký nhận vào hợp đồng cho mượn tiền số tiền 100.000.000đ, bà N xác định chữ ký trong hợp đồng mượn tiền là của bà, số tiền của kỳ vay này chưa trả vốn, chỉ trả lãi đến ngày 21/5/2018.

- Lần 4: Ngày 20/05/2018, có vay 70.000.000đ, bà N không có ký nhận vào giấy nợ nhưng bà xác định bà có nhận số tiền 70.000.000đ, số tiền này chưa trả vốn.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có ý kiến như sau:

Bà xác định bà có vay của bà Bùi Thị Thanh T số tiền 1.100.000.000đ, các lần vay đều trả lãi đến ngày 21/5/2018, hai bên không có giấy tờ ký nhận với nhau nên bà không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi, tất cả số tiền 1.100.000.000đ bà N đã đưa cho bà Bùi Thị Thu V, sinh năm 1985, địa chỉ: số 158/2 ấp Thanh B, xã T, huyện C, tỉnh Long An để bà V vay đáo hạn ngân hàng, toàn bộ tiền lãi bà V trả cho bà N thì bà N cũng trả lãi đầy đủ cho bà T, bà N chỉ làm trung gian cho hai người, toàn bộ số tiền 1.100.000.000đ do bà V chiếm giữ, hiện nay bà V đang bị khởi tố và chờ xét xử nên bà N đề nghị khi nào bà V trả tiền cho bà N thì bà N sẽ trả số tiền 1.100.000.000đ cho bà T, vì hiện nay bà N không có khả năng trả tiền lại cho bà T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cho rằng:

Về tố tụng:

Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của bà Bùi Thị Thanh T thấy rằng, căn cứ các “Hợp đồng mượn tiền làm ăn” và sự thừa nhận của bà Trương Thị N thì bà N có vay của bà

Bùi Thị Thanh T số tiền 1.100.000.000đ, không thể hiện lãi suất. Cả bà T và bà N đều thống nhất thừa nhận bà N còn nợ bà T 1.100.000.000đ nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, bà T yêu cầu bà N trả 1.100.000.000 tiền vay là có căn cứ chấp nhận.

- Về lãi suất: bà N cho rằng đã trả lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả cho bà T. Bà T cũng không yêu cầu bà N trả lãi nên không xem xét.

- Về cách thức trả nợ: Bà N cho rằng số tiền mượn của bà T bà đã đưa cho bà Bùi Thị Thu V để đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên bà T không thừa nhận việc bà N có đưa tiền cho bà V, bà chỉ làm hợp đồng mượn tiền với bà N. Do vậy, buộc bà N phải trả tiền còn nợ cho bà T ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phía bà N nếu có yêu cầu trả tiền đối với bà V thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thanh T theo Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

- Án phí DSST: bà Bùi Thị N chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1: Về thẩm quyền:

Bà Bùi Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị N trả số tiền vốn vay 1.100.000.000đ theo các giấy nhận nợ đã ký nhận. Đây là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2: Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Ngày 11/06/2021 bà Bùi Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà Trương Thị N nhưng bà N vẫn vắng mặt.

Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh T yêu cầu bà Trương Thị N trả số tiền vốn vay 1.100.000.000đ, thấy:

Về số nợ :

Căn cứ vào hợp đồng mượn tiền làm ăn thì bà T có cho bà N vay tiền, cụ thể :

- Ngày 05/2/2018 bà N vay 100.000.000đ, thời hạn trả tiền 09/02/2018.
- Ngày 30/3/2018 bà N mượn thêm 830.000.000đ, thời hạn đến 30/6/2018.
- Ngày 03/4/2018 bà N mượn thêm 100.000.000đ, thời hạn đến 03/7/2018.
- Ngày 20/5/2018 bà N mượn thêm 70.000.000đ, không có ký nhận vào giấy nợ, thỏa thuận thời hạn trả tiền đến tháng 07/2018.

Tổng số tiền bà N đã mượn là 1.100.000.000đ.

Bà N thừa nhận có vay và chưa trả vốn 1.100.000.000đ cho bà T.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 xác định bà N có vay và còn nợ lại số tiền vốn vay 1.100.000.000đ chưa thanh toán cho bà T là có cơ sở.

2.2: Về cách thức trả nợ:

Bà N cho rằng số tiền 1.100.000.000đ bà N đã đưa cho bà Bùi Thị Thu V, toàn bộ tiền lãi bà V trả cho bà N thì bà N cũng trả lãi đầy đủ cho bà T, bà N chỉ làm trung gian cho hai người, toàn bộ số tiền 1.100.000.000đ do bà V chiếm giữ, nên bà N đề nghị khi nào bà V trả tiền cho bà N thì bà N sẽ trả số tiền 1.100.000.000đ cho bà T, vì hiện nay bà N không có khả năng trả tiền lại cho bà T. HĐXX thấy rằng: Quan hệ vay tiền giữa bà N và bà V là một quan hệ độc lập, trên các biên nhận vay tiền không thể hiện bà V có vay mượn tiền của bà T mà chỉ có bà N vay tiền của bà T, nên lời đề nghị của bà N là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Đề đảm bảo quyền lợi của bà T, buộc bà N phải trả cho bà T số tiền 1.100.000.000đ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: bà Trương Thị N phải chịu án phí do phải trả nợ theo quy định với mức thu là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Bà Bùi Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 22.500.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005339 ngày 23/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466 BLDS 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh T.

Buộc bà Trương Thị N trả cho bà Bùi Thị Thanh T số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Trương Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Bà Bùi Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 22.500.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005339 ngày 23/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

[3] Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1: Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2: Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP Tân An;
- CC.THADS TP Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

